TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:53/2017/HS-ST
Ngày 10-8-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Hiền.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Công.
2. Bà Nguyễn Thị Tố Mỹ.

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Vương Thị Thùy Trang– Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, (Số 05 đường Q, phường W, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 46/2017/HSST ngày 07 tháng 7 năm 2017 đối với:

Bị cáo: **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1987 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; hộ khẩu thường trú: Tổ 23, ấp E, xã R, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Chỗ ở: như trên; Nghề nghiệp: Thợ sơn nước; Trình độ văn hóa: 09/12;Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh; Con ông Nguyễn Văn Y, sinh năm: 1962 và bà Trần Thị U, sinh năm: 1965. Vợ là Trần Thị H, sinh năm 1979 và có 01 con sinh năm 2013

Tiền án; tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 06/4/2017 đến ngày 12/04/2017. Đến ngày 12/4/2017 được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người bị hại: Ông Cao Minh T, sinh năm 1991;

Trú tại: Tổ 11, khu phố I, phường O, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1.Bà Trần Thị U, sinh năm 1965(có mặt);

Trú tại: Tổ 23, ấp E, xã R, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2.Ông Uy Minh H (Mọi), sinh năm 1989;

Trú tại: Tổ 11, khu phố I, phường O, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

3.Bà Lê Thị U, sinh năm 1955;

Trú tại: Số 70 đường A, khu phố 2, phường S, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Ngày 01/4/2017, Ông Cao Minh T có tổ chức ăn uống tại sân phòng trọ của ông T thuộc tổ 11, khu phố I, phường O,thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Sau khi ăn uống xong còn thừa bia ông T đã đưa chìa khóa phòng của ông T cho ông Uy Minh H (Mọi) để đem số bia còn thừa về phòng ông T, nhưng sau đó ông H quên trả chìa khóa cho ông T mà để chìa khóa lại tại phòng của ông H. Ngày 04/4/2017 Nguyễn Văn T đến phòng trọ của ông Uy Minh H (Mọi) chơi và ngủ lại. Khoảng 7 giờ sáng hôm sau khi Nguyễn Văn T ngủ dậy thì ông H đã đi làm. Nguyễn Văn T đã quan sát phòng và phát hiện chùm chìa khóa phòng của Cao Minh T. Do đang nợ ngân hàng đến hạn phải thanh toán, Nguyễn Văn T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Nguyễn Văn T đã dùng chìa khóa mở cửa phòng của ông T vào phòng lục lọi và trộm của ông T 01 dây chuyền bằng vàng 18K có in chìm ký hiệu MD 610 trọng lượng 1,28 chỉ (một chỉ hai mươi tám phân) và 01 mặt đá hình phật Quan Âm. Sau khi trộm cắp được tài sản Nguyễn Văn T đem bán tại tiệm vàng D do bà Lê Thị U, sinh năm 1955; địa chỉ: Số 70 đường A, phường S, thành phố B, tỉnh bà Rịa – Vũng Tàu làm chủ được 2.720.000đ (hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng). Số tiền này Nguyễn Văn T đã tiêu xài cá nhân hết 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng). Số tiền còn lại Nguyễn Văn T đã giao nộp tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B khi đến Cơ quan Công an đầu thú ngày 06/4/2017 và khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Theo thông báo về việc kết luận định giá tài sản số 35/TB.HĐĐG ngày 10/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt có giá trị: 3.100.000đ (ba triệu một trăm nghìn đồng. Cụ thể như sau: 01 sợi dây chuyền bằng vàng 18K có in chìm ký hiệu MD 610 trọng lượng 1,28 chỉ trị giá 2.600.000đ (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng), 01 mặt đá hình phật Quan Âm trị giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

*Về vật chứng:*Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B chuyển giao toàn bộ số tiền 2.320.000đ (hai triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố B chờ xử lý

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là ông Cao Minh T sau khi nhận số tiền bồi thường 4.250.000đ (bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) từ bà Trần Thị U mẹ ruột của Nguyễn Văn T) không yêu cầu gì thêm về mặt dân sự và có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Văn T.

- Tại bản Cáo trạng số: 54/QĐ-KSĐT ngày 06/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã truy tố Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai của mình tại cơ quan điều tra và khai nhận toàn bộ hành vi trái pháp luật của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và phát biểu luận tội, phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả do bị cáo gây ra, cũng như đặc điểm nhân thân của bị cáo. Đề nghị, Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản"; áp dụng khoản 1 Điều 138, các điểm g,h,p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T từ 06 đến 09 tháng tù

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 2.320.000đ do phạm tội mà có.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận T được hành vi vi phạm pháp luật của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để các bị cáo sớm được trở về với gia đình, xã hội và làm lại cuộc đời.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Nguyễn Văn T đều khai trùng khớp, không có sự mâu thuẫn. Nguyễn Văn T đều thừa nhận hành vi lén trộm cắp tài sản của ông Cao Minh T. Căn cứ vào lời khai bị cáo tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử, có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 04/4/2017, tại tổ 11 khu phố I, phường O, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Nguyễn Văn T có hành vi lén vào phòng trọ của ông Cao Minh T chiếm đoạt 01 sợi dây chuyền bằng vàng 18K có in chìm ký hiệu MD 610 trọng lượng 1,28 chỉ và 01 mặt một mặt đá hình phật Quan Âm có tổng trị giá là 3.100.000 (Ba triệu một trăm nghìn đồng).

[3]Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận T rõ hành vi lén chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vì bản tính tham lam lười lao động, nên vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 3.100.000 (Ba triệu một trăm nghìn đồng) vì thế hành vi của bị cáo có đủ dấu hiệu cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

[4]Bị cáo là người đã trưởng thành, có vợ con và công việc lương thiện,ổn định, lẽ ra bị cáo phải chăm chỉ làm ăn để làm gương cho con cái noi theo, tuy nhiên do bản tính thích hưởng thụ nhưng lại lười lao động nên khi thấy điều kiện thuận lợi là bị cáo nảy sinh ý định phạm tội ngay. Với tính chất, mức độ phạm

tội như trên cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội bằng hình phạt tù có thời hạn để cải tạo, giáo dục bị cáo, giúp bị cáo nhận ra lỗi lầm của mình, từ bỏ thói quen trộm cắp để làm ăn lương thiện; đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có T tiết tăng nặng.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: xét bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự ra đầu thú; thiệt hại do bị cáo gây ra không lớn, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại số tiền 4.250.000đ (bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), người bị hại đã nhận đủ số tiền nên không có yêu cầu gì thêm. Ngoài ra người bị hại cũng đã xin bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật theo quy định tại các điểm b,g,h,p khoản 1, Điều 47 Bộ luật hình sự 1999.

[7]Về hình phạt bổ sung: xét bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8]Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị U do không làm rõ được việc bà U có thu mua 01 sợi dây chuyền bằng vàng 18K có in chìm ký hiệu MD 610 trọng lượng 1,28 chỉ; 01 mặt một mặt đá hình phật Quan Âm và không thu hồi được vật chứng từ cửa hàng của bà U nên không có cơ sở để truy tố bà U là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại ông Cao Minh T không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị U không có yêu cầu gì đối với số tiền 4.250.000đ (bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) đã bồi thường thay cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: Cần tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 2.320.000đ do phạm tội mà có đang tạm giữ tại cơ quan thi hành án dân sự thành phố B.

[11]Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 138 điểm b,g,h,p khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 05 (năm) tháng 06 (sáu) ngày tù,được khấu trừ 06 ngày tạm giữ (Từ ngày 06/4/2017 đến ngày 12/04/2017). Như vậy bị cáo còn phải chấp hành 05 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003: Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 2.320.000đ do phạm tội mà có đang tạm giữ tại cơ quan thi hành án dân sự thành phố B.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV 27 – Công an tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- CCTHA dân sự thành phố B;
- UBND xã/phường nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Văn Thị Hiền